

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Hà nội, tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	3-4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9-32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (“Công ty”) trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét như sau:

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.000.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Sản xuất kinh doanh thực phẩm và bất động sản

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

+ Bà Trần Thị Diễm Hương	Chủ tịch (Miễn nhiệm tháng 4/2017)
+ Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch (Bỏ nhiệm tháng 4/2017)
+ Ông Ngô Đức Long	Thành viên
+ Ông Chu Việt Cường	Thành viên
+ Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
+ Bà Lương Thị Khánh	Thành viên (Bỏ nhiệm tháng 4/2017)

Ban Giám đốc

+ Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
+ Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
+ Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
+ Ông Nguyễn Đăng Trường	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Trong kỳ Công ty đã thực hiện kế hoạch tái cơ cấu Xí nghiệp Sản xuất chế biến thực phẩm tổng hợp ("Xí nghiệp") theo hướng chuyển Xí nghiệp thành Công ty cổ phần có vốn điều lệ 7.100.000.000 đồng đồng thời Công ty sẽ bán 75% vốn điều lệ của công ty cổ phần cho:

- (i) Cán bộ công nhân viên 30% vốn điều lệ, tương đương 2.130.000.000 đồng theo mệnh giá;
- (ii) Và cổ đông bên ngoài 45% vốn điều lệ, tương đương 3.195.000.000 đồng, theo hình thức đấu giá.

Ngày 10/4/2017, Công ty đã tổ chức đấu giá thành công, tổng số lượng cổ phần chào bán được là 319.500 cổ phần và tổng giá trị cổ phần bán được là 3.258.900.000 đồng. Ngày 7/7/2017, Công ty cổ phần mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, do đó ngày 7/7/2017 là thời điểm Công ty ghi nhận kết quả nghiệp vụ tái cơ cấu Xí nghiệp. Tại ngày 30/6/2017, giá trị tài sản ròng của Xí nghiệp theo sổ sách là 7.593.529.618 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Đối với việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Đức Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

Số: 630 /2017/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19/07/2017 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Như đã trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục V.05 Phải thu về cho vay ngắn hạn, số dư đối với Công ty Cổ phần phát triển Siêu thị là 1.000.000.000 đồng đã quá hạn trên ba năm. Báo cáo tài chính của Công ty chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan tới việc lập dự phòng giảm giá cho các khoản cho vay ngắn hạn nói trên;
- Bao gồm trong số dư của khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" là số dư 842.670.752 đồng của Công ty Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương đã quá hạn thanh toán trên ba năm; số dư 287.301.547 đồng của Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế đã quá hạn thanh toán trên ba năm, số dư 189.348.940 đồng của Công ty cổ phần Tiến Đồng đã quá hạn thanh toán trên ba năm, số dư 85.114.199 đồng của ba khách hàng khác đã quá hạn thanh toán trên ba năm. Báo cáo tài chính của Công ty chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nói trên;
- Bao gồm trong số dư của khoản mục "Trả trước cho người bán ngắn hạn" là số dư 245.757.313 đồng của MOLIKA (Khách hàng cung cấp đầu ăn nhập khẩu PXNK) đã quá hạn trên ba năm và số dư 110.000.000 đồng của Nguyễn Hồng Hà - Phân viện Lâm Sinh đã quá hạn thanh toán trên ba năm. Báo cáo tài chính của Công ty chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản trả trước nói trên.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

*Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2013-137-1/KTV
GUQ số 05/2015/UQ-CPA VN ngày 10/10/2015
của Tổng Giám đốc.*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76,421,137,032	73,379,774,615
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5,859,685,280	5,432,702,940
1. Tiền	111		5,859,685,280	5,432,702,940
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	33,700,000,000	35,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33,700,000,000	35,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,417,637,212	20,785,988,045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6,397,788,877	6,788,132,300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3,346,299,340	1,651,053,648
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	4,500,000,000	4,500,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	9,144,476,833	7,846,802,097
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		29,072,162	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	12,417,833,501	11,198,670,993
1. Hàng tồn kho	141		12,417,833,501	11,198,670,993
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,025,981,039	962,412,637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,509,672	13,396,010
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		91,658,982	21,204,242
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	927,812,385	927,812,385
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			143,204,440,704	146,143,346,194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112,479,959	112,479,959
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	112,479,959	112,479,959
II. Tài sản cố định	220		73,856,799,302	76,257,009,086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	73,816,067,302	76,211,577,086
- Nguyên giá	222		127,503,014,937	126,313,509,362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53,686,947,635)	(50,101,932,276)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	40,732,000	45,432,000
- Nguyên giá	228		227,000,000	227,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(186,268,000)	(181,568,000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	57,544,321,784	57,819,134,177
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		57,544,321,784	57,819,134,177
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	6,438,290,944	6,448,460,462
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6,338,290,944	6,348,460,462
2. Đầu tư dài hạn khác	258		100,000,000	100,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,252,548,715	5,506,262,510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5,252,548,715	5,506,262,510
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			219,625,577,736	219,523,120,809

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)

MÃ SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		88,696,591,979	84,384,859,140
I. Nợ ngắn hạn	310		52,870,439,659	50,289,506,577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6,212,313,576	8,023,289,356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,223,866,373	311,628,273
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7,499,713,815	8,513,452,660
4. Phải trả người lao động	314		721,831,230	1,534,551,901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	536,270,666	47,003,865
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	566,454,546	1,154,227,275
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	17,112,627,601	11,570,081,308
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	18,523,417,350	18,349,491,966
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		473,944,502	785,779,973
II. Nợ dài hạn	330		35,826,152,320	34,095,352,563
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	19,773,253,570	19,773,253,570
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	10,162,365,721	8,919,671,660
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	3,626,414,361	4,080,615,999
4. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1,687,800,000	669,200,000
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	576,318,668	652,611,334
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130,928,985,757	135,138,261,669
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	130,928,985,757	135,138,261,669
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145,000,000,000	145,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285,291,856	285,291,856
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(466,433,001)	(466,433,001)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		727,683,808	727,683,808
8. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(34,691,533,640)	(31,506,549,427)
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20,073,976,734	21,098,268,433
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			219,625,577,736	219,523,120,809



Ngô Đức Long
Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

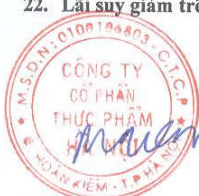
Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	75,418,728,831	85,785,120,102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	14,922,310	30,772,352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75,403,806,521	85,754,347,750
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	58,770,030,881	71,505,547,947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16,633,775,640	14,248,799,803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1,125,301,004	349,320,006
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	779,980,608	522,527,795
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	22		8,679,479	(350,789,728)
9. Chi phí bán hàng	24	VI.06	9,793,362,796	9,155,854,326
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	11,383,383,681	11,861,485,851
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,188,970,962)	(7,292,537,891)
12. Thu nhập khác	31	VI.08	1,766,043,360	1,370,115,826
13. Chi phí khác	32	VI.09	1,787,499,313	395,609,091
14. Lợi nhuận khác	40		(21,455,953)	974,506,735
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4,210,426,915)	(6,318,031,156)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4,210,426,915)	(6,318,031,156)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	52		(3,186,135,216)	(5,702,587,167)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	52		(1,024,291,699)	(615,443,989)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(220)	(397)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(220)	(397)



Ngô Đức Long
Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

6 tháng

Năm 2017

CHỈ TIÊU

Mã số

CHỈ TIÊU	Mã số	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1 Lợi nhuận trước thuế	01	(4,210,426,915)
2 Điều chỉnh cho các khoản		4,053,535,828
- Khấu hao TSCĐ	02	3,589,715,359
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(274,565,099)
- Chi phí lãi vay	06	738,385,568
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(156,891,087)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(2,602,577,005)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1,219,162,508)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4,988,093,158
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	260,600,133
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	1,300,000,000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(746,087,593)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(434,455,541)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15,225,135
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(417,125,537)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	987,619,155
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(924,155,153)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5,000,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,000,000,000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	265,885,620
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(658,269,533)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	54,399,569,027
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54,301,936,309)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	97,632,718
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	426,982,340
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,432,702,940
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,859,685,280



Ngô Đức Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.500.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 14.500.000 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội..

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết như được liệt kê dưới đây:

	<u>Tình trạng hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
<i>Công ty con</i>			
01. Công ty CP TMDV Bắc Qua	Trước hoạt động	53,00%	53,00%
02. Công ty TM Lãng Yên	Trước hoạt động	51,00%	51,00%
<i>Công ty liên kết</i>			
01. Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Đang hoạt động	37,04%	37,04%
02. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Đang hoạt động	27,59%	27,59%
03. Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Đang hoạt động		

Tình trạng trước hoạt động là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất kinh doanh thực phẩm và bất động sản cho thuê

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chứng từ dựa trên máy tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản các trên bảng cân đối kế toán, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ trong Tập đoàn chưa thực hiện được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt theo phương pháp cộng giá trị sổ sách:

- Tài sản và Nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại từ việc hợp nhất.

Việc thoái vốn của công ty mẹ trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2. Các loại tỷ giá hối đoái

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

	2017
Nhà xưởng và vật kiến trúc	Số năm 05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

13. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

20. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...), được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)
22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

23. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/06/2017.

24. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Tập đoàn tập trung vào lĩnh vực kinh doanh thương thực phẩm và bất động sản cho thuê, trong nhiều tình huống việc tách bạch các lĩnh vực không thực hiện được. Do đó Công ty chưa trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn tập trung tại thành phố Hà Nội. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt VND	1.411.134.692	1.518.459.649
Tiền gửi ngân hàng	4.448.550.588	3.914.243.291
- Tiền gửi VND	4.442.909.147	3.908.452.217
- Tiền gửi USD	5.641.441	5.791.074
Tổng cộng	5.859.685.280	5.432.702.940

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng ACB)	11.700.000.000	11.700.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng Eximbank)	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Tổng cộng	33.700.000.000	33.700.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2017		01/01/2017	
	Phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	5.787.634.161	5.787.634.161	-	5.787.634.161
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	140.000.000	140.000.000	-	140.000.000
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	410.656.783	410.656.783	-	420.826.301
Tổng cộng	6.338.290.944	6.338.290.944	-	6.348.460.462

c) Đầu tư vào dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Tổng cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng là bên liên quan

Phải thu khách hàng thông thường

Trong đó:

- Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Kids Plaza
- Công ty TNHH du lịch và thương mại Châu Á Thái Bình Dương
- Công ty Cổ Phần Bibomart
- Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế
- Công ty cổ phần Phúc Thành Việt Nam
- Viện Quy hoạch xây dựng Hà nội
- Công ty CP Quản lý đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội
- Các khách hàng khác

Tổng cộng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	6.397.788.877	-	6.788.132.300	-
	882.787.956	-	-	-
	842.670.752	-	842.670.752	-
	608.165.335	-	-	-
	287.301.547	-	287.301.547	-
	272.157.204	-	-	-
	202.908.334	-	116.229.465	-
	166.593.433	-	166.593.433	-
	3.135.204.316	-	5.375.337.103	-
Tổng cộng	6.397.788.877	-	6.788.132.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

04. Trả trước cho người bán

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán là bên liên quan				
Trả trước cho người bán thông thường	3.346.299.340	-	1.651.053.648	-
CN Miền Bắc tại Hưng Yên- Cty CP dầu TV Tường An	764.945.518	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Châu Âu	320.451.983	-	-	-
Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	314.296.724	-	96.861.024	-
MOLIKA (Khách hàng cung cấp dầu ăn nhập khẩu PXNK)	245.757.313	-	245.757.313	-
Công ty TNHH Quý Hạnh	232.400.000	-	-	-
Viện Khoa học Công nghệ xây dựng	371.690.000	-	371.690.000	-
Công ty bảo hiểm PVI Hà Nội	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty CP Khảo sát Hưng Thịnh	140.000.000	-	140.000.000	-
Các khách hàng khác	906.757.802	-	746.745.311	-
Tổng cộng	3.346.299.340	-	1.651.053.648	-

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cho vay đối với Bên liên quan	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm {1}	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Cho vay đối với khách hàng thông thường	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội {2}	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tổng cộng	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

- {1} Khoản mục bao gồm khoản vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 07/12/2012, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm kể từ ngày 1/11/2014, đến hạn ngày 30/06/2015 và khoản vay theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm kể từ ngày 1/11/2014, đến hạn ngày 26/08/2015.
- {2} Khoản mục bao gồm khoản vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/09/2013, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 13%/năm, đến hạn ngày 01/09/2013.

06. Phải thu khác

- a) Phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu về lãi tiền vay đối với bên liên quan**
Phải thu khác đối với khách hàng thông thường khác
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội (Lãi tiền vay)
Nguyễn Quốc Hùng
Tiền thuê đất 55 Mã Máy
Đặt cọc tiền mua hàng HTX Sông Công
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta
Các khoản tạm ứng của CBCNV
Phải thu khác

Tổng cộng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	1.585.319.446	-	947.444.446	-
	7.559.157.387	-	6.899.357.651	-
	295.054.555	-	112.804.555	-
	1.960.064.415	-	1.960.064.415	-
	195.330.470	-	195.330.470	-
	175.000.000	-	175.000.000	-
	173.250.000	-	173.250.000	-
	2.113.848.033	-	1.572.002.947	-
	2.646.609.914	-	2.710.905.264	-
	9.144.476.833	-	7.846.802.097	-

15/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

07. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	516.589.351	-	590.418.346	-
Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	15.326.453	-	17.756.843	-
Thành phẩm	36.370.170	-	51.053.243	-
Hàng hóa	11.849.547.527	-	10.539.442.561	-
Tổng cộng	12.417.833.501	-	11.198.670.993	-

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quân lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá	106.715.591.260	11.048.591.500	5.817.951.648	2.731.374.954	-	126.313.509.362
Dư đầu năm	1.189.505.575	-	-	-	-	1.189.505.575
Tăng trong năm	1.189.505.575	-	-	-	-	1.189.505.575
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	107.905.096.835	11.048.591.500	5.817.951.648	2.731.374.954	-	127.503.014.937
Dư cuối năm	36.915.120.841	6.087.974.036	4.828.337.154	2.270.500.245	-	50.101.932.276
Giá trị hao mòn lũy kế	2.715.891.452	536.629.231	269.936.167	62.558.509	-	3.585.015.359
Dư đầu năm	2.715.891.452	536.629.231	269.936.167	62.558.509	-	3.585.015.359
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	39.631.012.293	6.624.603.267	5.098.273.321	2.333.058.754	-	53.686.947.635
Dư cuối năm	69.800.470.419	4.960.617.464	989.614.494	460.874.709	-	76.211.577.086
Giá trị còn lại	68.274.084.542	4.423.988.233	719.678.327	398.316.200	-	73.816.067.302
Đầu năm	-	-	-	-	-	-
Cuối năm	-	-	-	-	-	-



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

09. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá		
<i>Dư đầu năm</i>	227.000.000	227.000.000
<i>Tăng trong năm</i>	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	227.000.000	227.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Dư đầu năm</i>	181.568.000	181.568.000
<i>Tăng trong năm</i>	4.700.000	4.700.000
- Khấu hao trong năm	4.700.000	4.700.000
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	186.268.000	186.268.000
Giá trị còn lại		
<i>Đầu năm</i>	45.432.000	45.432.000
<i>Cuối năm</i>	40.732.000	40.732.000

10. Tài sản dở dang dài hạn

a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Dự án 459 Bạch Mai	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án 26 Cao Thắng	6.230.110.676	5.992.654.644
Dự án 253 Phố Vọng	2.068.594.048	2.068.594.048
Công trình Nhà kho 164-166 Tự Liệt	-	1.193.866.013
Công trình Trụ sở 24-26 Trần Nhật Duật	80.859.341	80.859.341
Trung tâm siêu thị, thương mại Bắc Qua	44.121.294.801	43.650.174.468
Sửa chữa?	3.768.766.786	3.558.289.531
Các công trình khác	35.426.151	35.426.151
Tổng cộng	57.544.321.784	57.819.134.177

11. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ	6.509.672	13.396.010
Tổng cộng	6.509.672	13.396.010

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền thuê đất (*)	1.113.857.450	1.128.578.038
Chi phí lợi thế kinh doanh	809.721.886	861.406.264
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.328.969.379	3.516.278.208
Tổng cộng	5.252.548.715	5.506.262.510

(*) Chi phí quyền sử dụng đất có nguyên giá 1.324.852.509 đồng cho khu đất diện tích 2.795m² tại Khu Công nghiệp Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm trong 45 năm kể từ ngày 01/06/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Phải trả người bán
- a) Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Phải trả người bán đối với khách hàng thông thường	6.212.313.576	6.212.313.576	8.023.289.356	8.023.289.356
CÔNG TY TNHH LOCK&LOCK HN	436.884.691	436.884.691	482.565.846	482.565.846
Công ty cổ phần Công nghệ và thương mại Tiên Phong	150.654.259	150.654.259	17.586.024	17.586.024
Công ty CP Davicorp (DAVIFOOD) Việt Nam	116.903.280	116.903.280	121.860.060	121.860.060
Công ty CP Siêu thị VHSC - Unilever	94.893.099	94.893.099	-	-
Các khách hàng khác	5.412.978.247	5.412.978.247	7.401.277.426	7.401.277.426
Tổng cộng	6.212.313.576	6.212.313.576	8.023.289.356	8.023.289.356

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- a) Phải thu

	30/06/2017		01/01/2017	
	Đầu năm	Phải thu	Đã thu/Khấu trừ	Cuối năm
Thuế TNDN	927.812.385	-	-	927.812.385
Tổng cộng	927.812.385	-	-	927.812.385

- b) Phải trả

	30/06/2017		01/01/2017	
	Đầu kỳ	Phải nộp	Đã nộp	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	169.313.905	1.478.632.397	1.604.443.726	43.502.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	434.455.541	-	434.455.541	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.114.897	90.919.498	162.263.521	12.770.874
Thuế, tiền thuế đất	5.867.937.268	5.687.601.910	5.938.362.513	5.617.176.665
Các loại thuế khác	-	41.000.000	41.000.000	-
Phí, lệ phí, phải nộp khác	1.957.631.049	285.758.188	417.125.537	1.826.263.700
Tổng cộng	8.513.452.660	7.583.911.993	8.597.650.838	7.499.713.815

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí tiền điện, tiền nước phải trả	72.517.445	44.747.692
Tiền thuê nhà	444.292.491	(7.170.910)
Lãi vay phải trả	19.460.730	9.427.083
Tổng cộng	536.270.666	47.003.865

b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/06/2017	01/01/2015
Lãi chậm trả Công ty TNHH XDDD và CN Delta	10.162.365.721	8.919.671.660
Tổng cộng	10.162.365.721	8.919.671.660

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền thuê tài sản trên đất	566.454.546	1.154.227.275
Tổng cộng	566.454.546	1.154.227.275

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền thuê tài sản trên đất	3.626.414.361	4.080.615.999
Tổng cộng	3.626.414.361	4.080.615.999

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	32.836.638	-
Nhận đặt cọc hợp đồng bán tài sản trên đất tại 112 Phố Huế (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền bán cổ phần (**)	5.387.800.000	-
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	149.372.815	149.372.815
Công ty siêu thị VHSC	612.379.287	612.379.287
Nguyễn Kim Thu	202.616.606	202.616.606
Thù lao HĐQT BKS Công ty CPTMDV Bắc Qua	229.500.000	157.500.000
Cổ tức phải trả	18.304.500	23.643.267
Phải trả khác	479.817.755	424.569.333
Tổng cộng	17.112.627.601	11.570.081.308

(*) Nhận đặt cọc tiền mua tài sản trên đất tại 112 Phố Huế của Công ty CPTM&DV DLH Lan Hạ, tổng giá trị hợp đồng là 17.800.000.000 đồng, theo đó Công ty sẽ chuyển nhượng tài sản trên khu đất có diện tích 218,3 m² tại số 112 Phố Huế, thành phố Hà Nội, hiện đang thuê của nhà nước theo hình thức trả tiền hàng năm.

(**) Công ty nhận tiền bán 75% cổ phần tại Xí nghiệp Sản xuất chế biến thực phẩm tổng hợp ("Xí nghiệp"). Xí nghiệp sẽ chính thức chuyển thành công ty cổ phần có vốn điều lệ 7.100.000.000 đồng vào ngày 07/07/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
MẪU SỐ B 09a-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay cá nhân VNĐ	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000
Phan Thị Thanh Hiền {1}	1.010.000.000	1.010.000.000	1.010.000.000	1.010.000.000
Hoàng Thị Tâm {2}	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng VNĐ	17.463.417.350	17.463.417.350	17.289.491.966	17.289.491.966
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {3}	7.208.004.379	7.208.004.379	7.575.478.003	7.575.478.003
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn {4}	10.255.412.971	10.255.412.971	9.714.013.963	9.714.013.963
Tổng cộng	18.523.417.350	18.523.417.350	18.349.491.966	18.349.491.966

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng VNĐ	576.318.668	576.318.668	652.611.334	652.611.334
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {5}	576.318.668	576.318.668	652.611.334	652.611.334
Tổng cộng	576.318.668	576.318.668	652.611.334	652.611.334

{3} Khoản vay theo Hợp đồng số 13-10/2016-HĐTDHM/NHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức tín dụng 28.000.000.000 đồng; lãi suất xác định bằng (=) tiết kiệm huy động trả sau của Ngân hàng Công Thương cộng (+) 3,5%/năm, tại thời điểm hợp đồng là 7%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 và lãi vay được tính theo cơ sở năm 360 ngày.

{4} Khoản vay theo Hợp đồng số 1260LAV201600123 ngày 16/6/2016; hạn mức tín dụng 18.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở năm 360 ngày.

{5} Khoản vay theo Hợp đồng 23-3/2016-HĐTĐA/NHCT106-TPHN ngày 13/10/2016, hạn mức tín dụng 900.000.000 đồng, mục đích vay là đầu tư cải tạo nhà kho tại 164-166 Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tại thời điểm hợp đồng là 10%/năm theo cơ sở 360 ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2016	143.627.504.974	-	(976.433.001)	156.147.405	(11.885.042.443)	24.030.973.005	154.953.149.940
- Tăng vốn trong năm này	1.372.495.026	285.291.856					1.657.786.882
- Lũ năm trước	-			571.536.403	(13.653.843.242)	(2.412.404.890)	(16.066.248.132)
- Trích quỹ					(1.107.663.742)	(30.299.682)	(566.427.021)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia			510.000.000		(4.860.000.000)	(490.000.000)	(4.840.000.000)
Số dư ngày 31/12/2016	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	727.683.808	(31.506.549.427)	21.098.268.433	135.138.261.669
Số dư ngày 01/01/2017	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	727.683.808	(31.506.549.427)	21.098.268.433	135.138.261.669
- Lũ kỳ này				-	(3.186.135.216)	(1.024.291.699)	(4.210.426.915)
- Điều chỉnh khác					1.151.003	-	1.151.003
Số dư ngày 30/06/2017	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001,0)	727.683.808	(34.691.533.640,0)	20.073.976.734	130.928.985.757



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
 Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Cổ đông Nhà nước	74.772.000.000	74.772.000.000
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	74.772.000.000	74.772.000.000
Cổ đông chiến lược	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đá quý Doji	31.900.000.000	31.900.000.000
Cổ đông khác	38.328.000.000	38.328.000.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Quốc Tuấn	10.990.000.000	10.990.000.000
Nguyễn Đăng Trường	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông là cán bộ công nhân viên	2.027.000.000	2.027.000.000
Các cổ đông khác	10.311.000.000	10.311.000.000
Cộng	145.000.000.000	145.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	143.627.504.974
Vốn góp tăng trong năm		1.372.495.026
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.350.000.000

d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.500.000	14.362.584
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.362.750
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.362.750
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	64.101.148.292	75.894.941.066
Doanh thu cho thuê BĐS và dịch vụ khác	11.317.580.539	9.890.179.036
Tổng cộng	75.418.728.831	85.785.120.102

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chiết khấu thương mại	6.509.201	11.408.685
Giảm giá hàng bán	13.364	1.104.000
Hàng bán bị trả lại	8.399.745	18.259.667
Tổng cộng	14.922.310	30.772.352

03. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	58.770.030.881	71.505.547.947
Tổng cộng	58.770.030.881	71.505.547.947

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	942.492.812	348.900.860
Doanh thu tài chính khác	182.808.192	419.146
Tổng cộng	1.125.301.004	349.320.006

05. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền vay	738.385.568	522.527.795
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	41.595.040	-
Tổng cộng	779.980.608	522.527.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
06. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân công	4.085.455.753	4.851.908.326
Chi phí vật liệu bao bì	47.040.744	29.970.470
Công cụ đồ dùng	68.416.320	50.172.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	900.269.909	934.644.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.771.524.239	1.866.401.073
Chi phí khác bằng tiền	2.920.655.831	1.422.757.213
Tổng cộng	9.793.362.796	9.155.854.326

07. Chi phí quản lý

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	2.880.990.770	3.214.273.614
Chi phí vật liệu bao bì	26.290.170	23.093.165
Công cụ đồ dùng	2.371.371.535	2.692.532.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.280.518.666	3.443.544.528
Chi phí thuê đất	840.943.889	621.886.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.983.268.651	1.866.155.823
Chi phí khác bằng tiền		
Tổng cộng	11.383.383.681	11.861.485.851

08. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thanh lý nhượng bán CCDC	21.818.182	-
Các khoản thu nhập khác	1.744.225.178	1.370.115.826
Tổng cộng	1.766.043.360	1.370.115.826

09. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lãi chậm trả cho Công ty Delta	1.242.694.061	
Tiền chậm nộp tiền thuê đất	271.466.756	
Thù lao đại diện vốn tại các DN khác	216.480.000	
Chi phí khác	56.858.496	395.609.091
Tổng cộng	1.787.499.313	395.609.091

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết

b) Số dư đối với các bên liên quan

	30/06/2017	01/01/2017
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh V.05)		
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.06)		
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	1.585.319.446	947.444.446
Cộng	1.585.319.446	947.444.446

02. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Các công ty con của Công ty không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 theo phương pháp gián tiếp nên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 không có số liệu so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi cùng một công ty kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần.



Ngô Đức Long
Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập